TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2019/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 15 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết K (Nguyễn Văn C) – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T – Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyên Viết K (Nguyễn Văn C) và chị Bùi Thị T.

2. C nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về hôn nhân:* Anh Nguyên Viết K (Nguyễn Văn C) và chị Bùi Thị T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh chị kết hôn với nhau vào ngày 30/5/2011, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp trên cơ sở hoàn toàn

tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa anh K và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, xúc phạm nhau nên đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả anh K và chị T đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

** Về con chung:* Anh Nguyên Viết K (Nguyễn Văn C) và chị Bùi Thị T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 con chung. Cháu tên là: Nguyễn Thị Kiều V - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 12/6/2011. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Anh Nguyễn Viết K, chị Bùi Thị T và cháu Nguyễn Thị Kiều V đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cháu Nguyễn Thị Kiều V cho anh Nguyễn Viết K (Bố đẻ) trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Bùi Thị T chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Chị Bùi Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này và chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

** Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Anh Nguyên Viết K (Nguyễn Văn C) và chị Bùi Thị T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

** Về án phí:* Anh Nguyên Viết K (Nguyễn Văn C) và chị Bùi Thị T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh Nguyên Viết K phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001996, ngày 25 tháng 02 năm 2019 nên anh được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Chị Bùi Thị T không phải chịu án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chị cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn